

KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM TỔ CHỨC DẠY HỌC PHÂN HÓA TRONG MÔN ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

NGUYỄN THỊ THU ANH*

Ngày nhận bài: 12/04/2017; ngày sửa chữa: 12/04/2017; ngày duyệt đăng: 14/04/2017.

Abstract: The article analyses and presents results of piloting differentiated learning in teaching geography 10 at high school. The results show that differentiated learning promotes key competences of students such as cognitive ability, thinking skills as well as learning styles and encourages the positive and autonomy of students in learning, contributing to improvement teaching quality, including teaching geography, at high school.

Keywords: Differentiated learning, geography, pilot, students, high school.

1. Mục tiêu thực nghiệm (TN) của đề tài *Tổ chức dạy học phân hóa (DPPH) trong môn Địa lí ở trường trung học phổ thông (THPT)* là nhằm kiểm chứng cách thức tổ chức DPPH. Vấn đề đặt ra là: Dạy học TN có thực sự đem lại hiệu quả so với dạy học truyền thống hay không? Để trả lời câu hỏi ấy, chúng tôi sử dụng phương pháp TN so sánh để thử nghiệm kết quả nghiên cứu. Phương pháp này được tiến hành trên hai nhóm HS làm TN và nhóm học sinh (HS) làm đối chứng (ĐC). Chúng tôi đã xây dựng kế hoạch DPPH năng lực nhận thức (NLNT), theo phong cách học tập (PCHT) và đa trí tuệ của HS ở ba dạng bài khác nhau của chương trình môn *Địa lí 10 (ĐL10)* nhằm đạt được mục tiêu dạy học hiệu quả nhất.

Thời gian tổ chức TN từ tháng 8/2015 đến tháng 3/2017 thuộc chương trình môn **ĐL10**, TN được tiến hành tại các trường THPT ở 4 tỉnh, thành: - *Hà Nội* (Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành); - *Hà Nam* (Trường THPT A Phủ Lý); - *Quảng Ninh* (THPT Chuyên Uông Bí); - *Nghệ An* (THPT Đông Hiếu), đại diện cho các khu vực thành phố, nông thôn và miền núi; trường THPT ở vùng khó khăn, trong đó có cả trường THPT không chuyên, trường THPT chuyên, trường chất lượng cao.

HS lựa chọn TN và ĐC trong mỗi trường có trình độ nhận thức tương đương, không quá chênh lệch về học lực và nền nếp học tập. Giáo viên (GV) tham gia dạy TN và ĐC đa dạng về tuổi đời, kinh nghiệm, năng lực giảng dạy. Nhiều GV đã đảm nhận dạy môn **ĐL10** trong nhiều năm (24 năm), cũng có những GV mới ra trường (3 năm). Chúng tôi đã tập huấn cho GV dạy TN về đặc điểm, yêu cầu, cách thức tổ chức

các hoạt động nhận thức theo định hướng phân hóa.... cách vận dụng các phương pháp dạy học mới như dạy học theo hợp đồng, theo dự án, đóng vai,... GV dạy TN đều đầu tư thời gian đọc các tài liệu về DPPH, biết cách lựa chọn đa dạng học liệu để tổ chức dạy học phù hợp với PCHT, NLNT và đa trí tuệ của HS. Từ đó, hiểu được bản chất của DPPH, thực sự hứng thú, tự tin và chủ động vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá.

GV tham gia dạy TN, chia thành 3 giai đoạn (xem bảng 1):

Bảng 1. Danh sách các trường và GV dạy TN và ĐC

Giai đoạn thực nghiệm (GĐTN)	Tên trường	Họ tên GV	Lớp TN		Lớp ĐC	
			Lớp	Sĩ số	Lớp	Sĩ số
GĐTN thăm dò (2015-2016)	THCS&THPT Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Thị Thu Anh	10A1	42	10A2	41
GĐTN tác động (2016-2017)	THCS&THPT Nguyễn Tất Thành	Trần Thị Hải Yến	10N3	40	10D5	40
	THPT Đông Hiếu	Nguyễn Hoàng Tuấn	10C3	40	10C6	40
GĐTN ứng dụng (2016-2017)	THCS&THPT Nguyễn Tất Thành	Triệu Thị Thu Hiền	10D3	41	10D1	43
		Triệu Thị Thu Hiền	10D2	43	10D4	42
		Đặng Thị Tiên Dung	10A1	41	10A2	41
		Đặng Thị Tiên Dung	10N1	41	10N2	41
	THPT A Phủ Lý	Vũ Thị Thơ	10A2	44	10A3	42
		Vũ Thị Thơ	10A7	46	10A6	48
	THPT Đông Hiếu	Nguyễn Hoàng Tuấn	10 C4	40	10C2	40
		Nguyễn Hoàng Tuấn	10 C1	40	10C5	40
THPT Chuyên Uông Bí	Đỗ Thị Lan Hương	10 Văn	35	10 Toán 1	35	
	Đỗ Thị Lan Hương	10 Toán 2	35	10 Anh	35	

* Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

2. Nội dung và cách thức tiến hành TN

2.1. Nội dung TN

Để TN về tổ chức DHPH, chúng tôi lựa chọn 3 bài thuộc 3 nội dung khác nhau của chương trình **ĐL10**, đó là: **Bài 16. Sóng. Thủy triều. Dòng biển** (nhóm bài Địa lí tự nhiên); **Bài 24. Phân bố dân cư. Các loại hình quần cư và đô thị hóa** (nhóm bài Địa lí dân cư) và **Bài 36. Vai trò đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải** (nhóm bài Địa lí kinh tế). Các giờ học TN được tiến hành trong cùng một khoảng thời gian với các lớp ĐC theo đúng phân phối chương trình **ĐL10**. Giáo án TN được triển khai thể hiện rõ việc tổ chức DHPH phù hợp với trình độ, PCHT, đa trí tuệ của HS nhằm phát triển tối đa năng lực học tập của từng HS, đồng thời vẫn đảm bảo yêu cầu mục tiêu dạy học của chương trình, SGK và chuẩn kiến thức, kĩ năng môn **ĐL10**.

2.2. Tiến trình TN tổ chức thành 3 giai đoạn:

2.2.1. GĐTN thăm dò (2015-2016)

Với bài 36. *Vai trò đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải*. Mục đích là thử nghiệm quy trình tổ chức DHPH theo NLNT của HS. Chúng tôi quan sát và ghi chép tỉ mỉ diễn biến của hoạt động dạy học. Sau tiết học cả lớp TN và lớp ĐC cùng làm bài kiểm tra trong cùng một điều kiện. So sánh kết quả bài kiểm tra của lớp TN và ĐC để cho nhận xét về tính khả thi của quy trình DHPH dựa vào NLNT. Từ đó, có những điều chỉnh để tiến hành TN ở các giai đoạn tiếp theo.

2.2.2. *GĐTN tác động* (2016-2017): “*Bài 16. Sóng. Thủy triều. Dòng biển*”. Mục đích TN là điều chỉnh cho phù hợp quy trình và các biện pháp tổ chức dạy học đã được TN thăm dò ở giai đoạn thăm dò đã được tiến hành mở rộng thêm tiếp cận DHPH về cả NLNT, PCHT và trí tuệ của HS.

2.2.3. *GĐTN ứng dụng* (2016-2017): Mục đích TN là mở rộng phạm vi, quy mô và cách tiếp cận DHPH. Mỗi GV dạy 3 bài (bài 16, 24, 36) thuộc các mảng kiến thức địa lí khác nhau. Ở mỗi bài, một GV dạy 2 lớp TN và 2 lớp ĐC cùng giáo án TN và ĐC. Ở mỗi bài TN sẽ tổ chức DHPH theo cả NLNT, PCHT và trí tuệ của HS nhưng tập trung sâu vào một cách tiếp cận DHPH.

2.3. *Quy trình TN* được tiến hành theo 4 bước sau:

2.3.1. *Xây dựng kế hoạch TN*. Bước này bao gồm các hoạt động: làm việc với Ban Giám hiệu các

trường THPT dự kiến sẽ tiến hành TN; căn cứ vào hồ sơ giảng dạy môn *Địa lí* để xác định thời gian TN; chọn GV và lớp dạy TN, ĐC; trao đổi với GV, HS ở lớp TN về mục đích, ý nghĩa, nội dung, cách thức TN và đề nghị được theo sát quá trình DHPH ở tất cả các lớp.

2.3.2. *Phân loại HS theo PCHT, trí tuệ, NLNT*. Ngay từ đầu năm học, chúng tôi sử dụng các phiếu điều tra PCHT, điều tra trí tuệ, kiểm tra kiến thức nền, điều tra hứng thú học tập, tìm hiểu kết quả học tập môn *Địa lí* của HS ở những năm học trước,... để phân loại HS trước khi tiến hành TN. HS lớp TN được phân loại thành các nhóm theo PCHT, các nhóm theo *8 loại trí tuệ*. Những HS có kiến thức nền tảng tốt về Địa lí, thích học môn Địa lí, những HS chưa thật quan tâm tới môn Địa lí để GV có thể quan sát và giúp đỡ từng HS trong suốt giờ học.

Bảng 2. Phân loại trí tuệ HS các lớp TN

Trường	Lớp	Số	Các loại trí tuệ							
			Ngôn ngữ	Logic	Vận động	Âm nhạc	Giao tiếp	Không gian	Hướng nội	Thiên nhiên
THCS&THPT Nguyễn Tất Thành	10D3	41	6	6	14	19	15	19	11	2
	10D2	43	7	2	11	16	13	17	15	6
	10A1	41	3	11	12	12	10	10	14	4
	10N1	41	4	6	15	14	12	12	11	6
THPT A Phú Lý	10A2	44	4	5	4	11	5	14	11	7
	10A7	46	7	9	12	13	14	13	14	10
THPT Đông Hiếu	10C4	40	7	5	11	10	11	12	8	13
	10C1	40	5	5	7	10	9	12	12	11
THPT Chuyên Hạ Long	10 Văn	35	8	4	8	16	16	10	12	6
	10 Toán 2	35	8	17	10	9	9	10	9	5

Bảng 3. Phân loại HS theo PCHT của các lớp TN

Trường	Lớp	Số	Phong cách học tập		
			Học qua nhìn	Học qua nghe	Học qua vận động
THCS&THPT Nguyễn Tất Thành	10D3	41	16	16	9
	10D2	43			
	10A1	41	10	10	21
	10N1	41			
THPT A Phú Lý	10A2	44	11	18	15
	10A7	46	16	13	17
THPT Đông Hiếu	10 C4	40	7	17	16
	10 C1	40	7	18	15
THPT Chuyên Hạ Long	10 Văn	35	9	12	14
	10 Toán 2	35	7	7	21

2.3.3. *Tổ chức DHPH*. Trước tiên, thiết kế giáo án TN. Trong giáo án TN, chú ý thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp với PCHT, NLNT và trí tuệ của HS.

Chúng tôi đặc biệt quan tâm và lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học tạo điều kiện thuận lợi cho DHPH như: dạy học theo nhóm, dạy học dự án, dạy học theo góc,... Sau đó, chúng tôi chuyển giáo án cho GV dạy TN để góp ý, hoàn thiện giáo án. Ở GĐTN ứng dụng chúng tôi dạy 3 bài khác nhau:

- **Bài 16** “*Sóng. Thủy triều. Dòng biển*” chúng tôi đã đa dạng các hình thức tổ chức dạy học vừa dạy học toàn lớp, vừa thảo luận theo cặp, vừa thảo luận theo nhóm. Mục tiêu bài học và hệ thống các câu hỏi được xây dựng theo các mức độ khác nhau để GV dạy TN lựa chọn phù hợp với NLNT của HS.

Ở nội dung “*Dòng biển*” chúng tôi đã phân hóa nhiệm vụ học tập và học liệu theo PCHT của HS. Những HS thuộc PCHT thích âm thanh sẽ được làm việc với máy tính để nghe về đặc điểm của dòng biển. Những HS có PCHT thích quan sát được phát học liệu có cả kênh chữ và nhiều hình ảnh trực quan để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Những HS có PCHT vận động sẽ được sử dụng cả máy tính và tài liệu học tập hình ảnh. Những nhóm PCHT có số lượng đông (ví dụ lớp 10D3 Trường Nguyễn Tất Thành có 16 HS thuộc PCHT qua nghe) chúng tôi chia HS thành 2 nhóm nhỏ phân hóa trình độ nhận thức đặt tên là *nhóm Âm thanh 1* và *nhóm Âm thanh 2* để GV có thể đến hỗ trợ HS có NLNT chậm hơn. Với nhóm HS khá, giỏi GV có thể đưa thêm câu hỏi vận dụng để các em trả lời.

Nhóm HS có PCHT vận động chúng tôi cho phép các em được lựa chọn hình thức trả lời là vẽ bản đồ tư duy về đặc điểm của dòng biển hoặc thể hiện kết quả làm việc của nhóm dưới dạng một cuộc phỏng vấn giữa một người là Chuyên gia nghiên cứu về biển (Giáo sư Biển) và một HS lớp 10. Các tiết học đã diễn ra rất sôi nổi và kết thúc bài học HS tạo ra được nhiều sản phẩm học tập khác nhau từ cùng một nhiệm vụ tìm hiểu về dòng biển.

- **Bài 24** “*Phân bố dân cư*”. Các loại hình quần cư và đô thị hóa” chúng tôi cũng sử dụng đa dạng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đa dạng việc kiểm tra, đánh giá nhằm giúp cho mỗi HS đều hứng thú với tiết học. Ở bài này chúng tôi tập trung TN phân hóa HS theo NLNT và hứng thú học tập của HS. Tất cả các nhiệm vụ học tập đều được đề xuất 2 cách tiếp cận cho HS khá giỏi và HS trung bình. Để dạy về ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển KT-XH và môi trường chúng tôi đã tổ chức dạy học theo dự án. Khi phân nhóm HS thực hiện dự án chúng tôi cho HS được lựa chọn theo các sản phẩm. Ví dụ: nhóm poster, nhóm video, nhóm tập san,... Chúng tôi kích lệ HS

thể hiện khả năng sáng tạo của mình khi thiết kế các sản phẩm học tập. Không khí học tập rất sôi nổi vì các em được thiết kế sản phẩm học tập theo sở thích và được làm việc cùng với những bạn cùng sở thích. HS trong lớp được phát trước các phiếu đánh giá để tự đánh giá sản phẩm của mình và đánh giá sản phẩm các nhóm bạn. Mỗi sản phẩm học tập vẫn đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nội dung kiến thức song cách thức thể hiện rất đa dạng, và sản phẩm của nhiều nhóm rất sáng tạo.

Tuy nhiên, một số GV gặp khó khăn trong việc tổ chức dạy học cho một lớp học đa dạng về NLNT. Một số GV phải dành rất nhiều thời gian góp ý cho HS, khi các em gửi email báo cáo tiến độ và sản phẩm học tập. Điều này cho thấy việc dạy thành công một bài học cho lớp học có nhiều trình độ khác nhau đòi hỏi GV phải rất chủ động, có kinh nghiệm dạy học để vừa hướng dẫn, động viên, khích lệ và truyền cảm hứng giúp HS hoàn thành tốt sản phẩm học tập.

- **Bài 36** “*Vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải*” là bài có nội dung về kinh tế. Trước khi bài học diễn ra chúng tôi giao cho HS các nhiệm vụ khác nhau nhằm phát huy thế mạnh trí tuệ của mỗi HS. Chúng tôi chia HS thành 8 nhóm để giao 8 nhiệm vụ học tập khác nhau. Thành viên của mỗi nhóm là những HS có cùng thế mạnh trí tuệ. Các nhiệm vụ học tập xoay quanh về vai trò của ngành giao thông vận tải. Mỗi nhóm trí tuệ đều đã tạo ra những sản phẩm học tập rất riêng biệt, rất sáng tạo và có sự phân hóa rõ rệt về năng lực trí tuệ. Ví dụ: sản phẩm của nhóm trí tuệ âm nhạc rất đa dạng theo mức độ tăng dần về năng lực: đó là các bài hát có lời thể hiện vai trò của GTVT theo giai điệu của một bài hát có sẵn (sản phẩm của nhóm Âm nhạc lớp 10A7 Trường THPT Đông Hiếu). Ở mức độ cao hơn là bài hát được sáng tác và biểu diễn với đàn ghi ta của nhóm Âm nhạc lớp 10D3. Sản phẩm học tập của các HS có trí tuệ âm nhạc, mô hình địa hình miền Bắc Việt Nam với các tuyến đường quốc lộ chính hay các bức tranh “Hà Nội xưa và nay” đã góp phần tạo nên một tiết học thú vị và thật sự hấp dẫn.

Quá trình TN, giúp chúng tôi phát hiện môi trường giáo dục có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển trí tuệ của HS. Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành có chương trình giáo dục nghệ thuật (HS được học Mĩ thuật, ghita, Organ, Thanh nhạc, Sáo) nên các trí tuệ âm nhạc, hội họa được phát triển khá tốt thể hiện qua các sản phẩm học tập có chất lượng tốt. HS ở THPT Đông Hiếu, phát triển trí tuệ về thiên nhiên hơn

là các HS ở TP. Hà Nội. Sản phẩm học tập của nhóm có trí tuệ thiên nhiên có nhiều dẫn chứng hay, mang về nhiều cảm xúc cho HS trong lớp và GV dạy Địa lí.

Giáo án TN giao cho GV dạy lớp TN nghiên cứu trước. Sau đó, chúng tôi tiếp tục trao đổi về ý tưởng thiết kế các hoạt động dạy học của kế hoạch bài dạy, giải đáp những băn khoăn, thắc mắc để GV hoàn toàn tự tin khi tổ chức dạy học theo giáo án TN đã được nghiên cứu, chỉnh sửa, hoàn thiện, thống nhất.

Ở lớp ĐC: Căn cứ vào chuẩn kiến thức kĩ năng môn **ĐL10**, chúng tôi thống nhất với GV dạy ĐC về mục tiêu của bài học, từ đó thống nhất giáo án dạy các lớp ĐC.

2.4. Tổng hợp, xử lý số liệu và đánh giá kết quả TN. Chúng tôi kiểm tra chất lượng học tập của HS sau TN bằng bài kiểm tra dành đồng thời cho cả lớp TN và ĐC. Các số liệu được xử lý theo phương pháp thống kê toán học bằng phần mềm R phiên bản 3.3.3.

2.4.1. Tiêu chí đánh giá kết quả TN. Định hướng phân hóa HS phải được thể hiện trong hầu hết các hoạt động dạy học của các tiết dạy TN. Mục tiêu của bài học phải được phân hóa theo thang nhận thức của Bloom, GV dạy TN căn cứ vào NLNT, PCHT, đặc điểm trí tuệ của HS trong lớp để lựa chọn các mục tiêu dạy học phù hợp. Các hoạt động dạy học được thiết kế để HS được chủ động tìm hiểu và chiếm lĩnh kiến thức. Ở mỗi hoạt động dạy học đều có sự phân hóa về mức độ nhận thức phù hợp với NLNT của HS, các học liệu phù hợp với PCHT của HS. GV tạo điều kiện để HS được lựa chọn học liệu, hình thức trình bày, cách thức thể hiện sản phẩm học tập,... HS trong lớp không bị áp lực vì quá tải. GV tổ chức kết hợp nhiều loại hình đánh giá trong suốt quá trình dạy học để biết được mức độ nắm bắt kiến thức của từng HS. Xây dựng môi trường lớp học tích cực, tôn trọng và an toàn. HS trong lớp đều được động viên, khích lệ để nỗ lực cố gắng tiếp cận các kiến thức, kĩ năng của bài học.

Sau khi hoàn thành các giờ dạy TN và ĐC, chúng tôi đã cùng với GV bộ môn cho HS ở cả lớp TN và lớp ĐC cùng làm một phiếu khảo sát về thái độ của HS và một bài kiểm tra về mức độ nắm bắt kiến thức của các em. Phiếu khảo sát thái độ của HS tìm hiểu mức độ hứng thú của HS với bài học, mức độ tham gia hoạt động học tập. HS được tự đánh giá hiệu quả lĩnh hội kiến thức, kĩ năng bài học, đánh giá những việc đã làm tốt, những việc làm chưa tốt trong giờ học và được tham vấn cho GV để giờ học đạt hiệu quả cao hơn.

2.4.2. Phương pháp xử lý số liệu TN. Chúng tôi tổng hợp kết quả các bài kiểm tra (thang điểm 10) của GV tham gia dạy TN, ĐC rồi tính tỉ lệ và vẽ biểu đồ

hình cột cho tần suất điểm của từng nhóm ĐC và TN bằng phần mềm Excel. Để so sánh kết quả học tập của nhóm TN với nhóm ĐC có khác biệt không, chúng tôi đã sử dụng phân tích phương sai 1 chiều (one-way ANOVA, đây là phương pháp phân tích tham số) và phương pháp phân tích Wilcoxon (two-sample Wilcoxon Test, đây là phương pháp phân tích phi tham số) để phân tích và vẽ biểu đồ minh họa kết quả nghiên cứu từ số liệu thu được. Khi tính điểm trung bình của từng nhóm TN và ĐC, chúng tôi quan tâm tới độ lệch chuẩn vì độ lệch chuẩn cho biết độ phân tán của các điểm số xung quanh điểm trung bình cộng. Độ lệch chuẩn nhỏ thì độ phân tán nhỏ, các giá trị tập trung chủ yếu xung quanh giá trị trung bình. Độ lệch chuẩn càng cao thì mức độ phân tán càng cao. Các phân tích trên được thực hiện bằng phần mềm R (phiên bản 3.3.3).

3. Kết quả TN

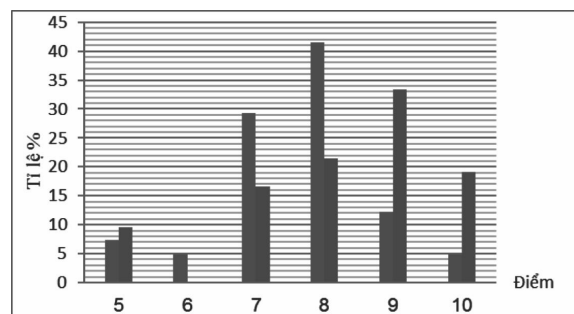
- GĐTN thăm dò. Chúng tôi, sử dụng ANOVA 1 chiều để phân tích số liệu thu được; kết quả phân tích được trình bày ở *bảng 4*.

Bảng 4. Kết quả phân tích số liệu

Lớp	Điểm trung bình ± Độ lệch chuẩn	Giá trị F
ĐC	7,61 ± 1,16	5,11*
TN	8,26 ± 1,45	

(Mức ý nghĩa: $p < 1$; * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$)

Kết quả *bảng 4* cho thấy, điểm trung bình lớp TN có kết quả học tập cao hơn lớp ĐC và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ở mức 0,05.



Biểu đồ 1. Tỉ lệ điểm của lớp ĐC và lớp TN

Biểu đồ 1 cho thấy, lớp ĐC có tỉ lệ điểm 6, 7, 8 cao hơn so với lớp TN; ngược lại lớp TN có tỉ lệ điểm 9, 10 cao hơn so với lớp ĐC.

- GĐTN tác động. Chúng tôi, sử dụng ANOVA 1 chiều và Wilcoxon test để phân tích số liệu thu được; kết quả phân tích được trình bày ở *bảng 5* (trang bên).

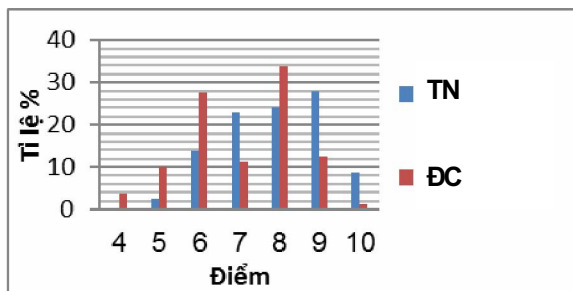
Bảng 5 cho thấy cả hai phương pháp đều cho kết quả thống nhất: Lớp TN có kết quả học tập cao hơn

Bảng 5. Kết quả phân tích số liệu

Lớp	Điểm trung bình ± Độ lệch chuẩn	Số lượng HS	Giá trị W (Wilcoxon test)	Giá trị F (ANOVA)
ĐC	7,04 ± 1,41	80	2150***	15,27***
TN	7,87 ± 1,28	79		

(Mức ý nghĩa: $p < 1$; * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$)

lớp ĐC. Và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê rất cao.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ điểm của lớp TN và lớp ĐC

Biểu đồ 2 cho thấy lớp ĐC có tỉ lệ điểm 5, 6, 7, 8 cao hơn so với lớp TN; ngược lại lớp TN có tỉ lệ điểm 9, 10 cao so lớp ĐC. Như vậy, điểm trung bình của nhóm TN cao hơn nhóm ĐC là do nhóm TN có nhiều điểm 9, 10 hơn và ít điểm 4, 5, 6, 7, 8 hơn.

- **GĐTN ứng dụng.** Chúng tôi sử dụng đồng thời phương pháp ANOVA 1 chiều và phương pháp Wilcoxon để phân tích số liệu cho cả 3 bài TN, kết quả phân tích số liệu thu được như sau:

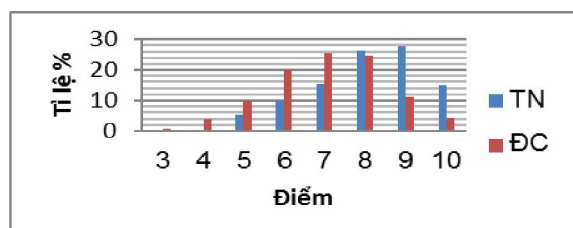
Bài 16. Sóng. Thủy triều. Dòng biển

Bảng 6. Kết quả phân tích số liệu

Lớp	Điểm trung bình ± Độ lệch chuẩn	Số lượng HS	Giá trị W (Wilcoxon test)	Giá trị F (ANOVA)
ĐC	7,05 ± 1,46	407	51348***	99,03***
TN	8,05 ± 1,40	406		

(Mức ý nghĩa: $p < 1$; * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$)

Bảng 6 cho thấy cả 2 phương pháp phân tích số liệu đều cho kết quả giống nhau: Lớp TN có kết quả học tập cao hơn lớp ĐC, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê cao.



Biểu đồ 3. Tỷ lệ điểm của lớp TN và lớp ĐC

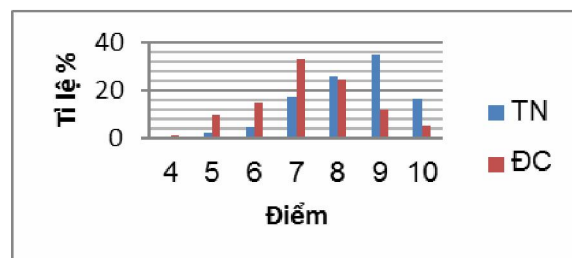
Biểu đồ 3 cho thấy, lớp ĐC có tỉ lệ điểm 3, 4, 5, 6, 7 cao hơn so với lớp TN; ngược lại lớp TN có tỉ lệ điểm 8, 9, 10 cao so lớp ĐC. Như vậy, điểm trung bình của nhóm TN cao hơn nhóm ĐC, do nhóm TN có nhiều điểm 9, 10 hơn và ít điểm 3, 4, 5, 6, 7, 8 hơn.

Bài 24. Phân bố dân cư. Các loại hình quần cư và đô thị hóa

Bảng 7. Kết quả phân tích số liệu

Lớp	Trung bình ± Độ lệch chuẩn	Số HS	Giá trị W (Wilcoxon test)	Giá trị F (ANOVA)
ĐC	7,28 ± 1,31	408	45124,5***	147,9***
TN	8,35 ± 1,20	404		

Kết quả bảng 7 cho thấy: lớp TN có kết quả học tập cao hơn lớp ĐC. Và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê rất cao.



Biểu đồ 4. Tỷ lệ điểm của lớp TN và lớp ĐC

Biểu đồ 4 cho thấy lớp ĐC có tỉ lệ điểm 4, 5, 6, 7 cao hơn so với lớp TN; ngược lại lớp TN có tỉ lệ điểm 8, 9, 10 cao so lớp ĐC. Như vậy, điểm trung bình của nhóm TN cao hơn nhóm ĐC là do nhóm TN có nhiều điểm 8, 9, 10 hơn và ít điểm 4, 5, 6, 7 hơn.

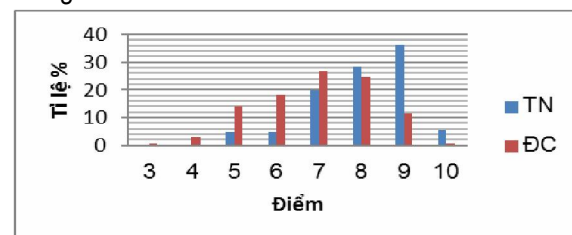
Bài 36. Vai trò đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải

Bảng 8. Kết quả phân tích số liệu

Lớp	Trung bình ± Độ lệch chuẩn	Số lượng HS	Giá trị W (Wilcoxon test)	Giá trị F (ANOVA)
ĐC	6,93 ± 1,37	407	48016***	147,9***
TN	8,03 ± 1,21	406		

(Mức ý nghĩa: $p < 1$; * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$)

Kết quả ở bảng 8 cho thấy: Cả 2 phương pháp đều cho kết quả giống nhau: Lớp TN có kết quả học tập cao hơn lớp ĐC. Và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê rất cao.



Biểu đồ 5. Tỷ lệ điểm của lớp TN và lớp ĐC

Biểu đồ 5 cho thấy lớp ĐC có tỉ lệ điểm 3, 4, 5, 6, 7 cao hơn so với lớp TN; ngược lại lớp TN có tỉ lệ điểm 8, 9, 10 cao hơn lớp ĐC. Như vậy, điểm trung bình của nhóm TN cao hơn nhóm ĐC là do nhóm TN có nhiều điểm 8, 9, 10 hơn và ít điểm 3, 4, 5, 6, 7 hơn.

Kết quả TN ở cả 3 GĐTN cho thấy: - Điểm trung bình của nhóm TN luôn cao hơn điểm trung bình của nhóm ĐC ở tất cả GV dạy TN; - Tỉ lệ điểm khá giỏi của HS lớp TN cao hơn nhiều so với lớp ĐC. Ngược lại, tỉ lệ HS điểm dưới trung bình ở nhóm TN thấp hơn so với lớp ĐC. Như vậy, có thể khẳng định việc tổ chức DHPH môn *Địa lí* mang lại hiệu quả cao hơn so với việc giảng dạy thông thường hiện nay. Ngoài ra, thông qua các tham số kiểm định về độ lệch chuẩn và độ phân tán ở GV dạy TN đều có độ lệch chuẩn và độ phân tán nhỏ hơn ở các lớp ĐC.

4. Đánh giá về quá trình TN

Đối với GV: Còn xa lạ với DHPH, một số GV có kinh nghiệm giảng dạy cũng đã quan tâm tới DHPH, song chỉ chú ý phân hóa theo NLNT, hầu như chưa quan tâm tới tổ chức DHPH theo PCHT và trí tuệ của HS. Điều này hoàn toàn dễ hiểu vì DHPH chưa được hướng dẫn cụ thể ở Việt Nam. GV còn gặp khó khăn khi tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp vì DHPH đòi hỏi phải linh hoạt áp dụng nhiều kĩ thuật, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá. Đặc biệt là khả năng quan sát, bao quát lớp học để điều chỉnh tiến trình dạy học, phát hiện và giúp đỡ kịp thời những HS gặp khó khăn. Một số GV chưa tin tưởng vào khả năng của HS, từ chối khi chúng tôi đề nghị cho HS được chủ động nghiên cứu, được lựa chọn cách thức thiết kế sản phẩm học tập hay được thay GV hướng dẫn cho các bạn cùng lớp. Do đó, trước khi tiến hành TN, chúng tôi đã dành nhiều thời gian để trao đổi với GV để họ có đủ hiểu biết và tự tin khi áp dụng DHPH. Sau khi đọc tài liệu và được hướng dẫn, GV đều rất hứng thú tổ chức các tiết học phân hóa và ngày càng quan tâm nhiều hơn tới PCHT, đa trí tuệ. Ở các mức độ khác nhau, GV TN đều tổ chức các tiết DHPH thành công và họ đã tiếp tục sử dụng khá tốt những phương pháp này ở nhiều bài học khác.

Khi dạy học TN, một số GV rất bất ngờ về sự sáng tạo của HS. Có GV nhận ra rằng, trước đây họ đã đánh giá chưa đúng về khả năng của HS. Họ đã làm quá nhiều công việc mà HS hoàn toàn có thể thực hiện tốt. GV dạy TN đều hạnh phúc khi chứng kiến sự sáng tạo, sự tiến bộ của các HS trong lớp. GV thực hiện nghiêm túc mục tiêu bài học của giáo án TN. Đồng thời linh hoạt khi điều chỉnh các hình thức, phương pháp dạy học phù hợp với HS trong lớp học

và phong cách dạy học của GV nhằm phát huy tính tích cực của HS. Hiệu quả dạy học của các tiết học TN rất khả quan, bước đầu cho thấy những đề xuất tổ chức DHPH mang tính khả thi. Khi tổ chức DHPH, GV đều phải đầu tư nhiều thời gian hơn. Từ việc tìm hiểu HS, chuẩn bị tài liệu học tập, kiểm soát các bài tập dự án, hướng dẫn HS xây dựng sản phẩm học tập, tư vấn đóng vai,... nhưng GV đều thấy vui vì đã làm quen và vận dụng được DHPH vào trong các tiết dạy của mình. Họ cũng được làm mới mình, tích cực, hứng thú hơn với việc dạy học *Địa lí*.

Đối với HS: *nhật tình hưởng ứng các tiết dạy TN*, các em được quan tâm tới hứng thú, sở thích và luôn có cơ hội để thể hiện mình. Điều này được thể hiện rất rõ qua kết quả điều tra về thái độ của HS sau khi học xong các bài học TN. Tuy nhiên, HS Trường THPT Chuyên Hạ Long, Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành thường có các sản phẩm học tập đa dạng và sáng tạo, chủ động hơn khi trình bày các sản phẩm học tập. HS Trường THPT Đông Hiếu hay Trường THPT A Phủ Lý thường rụt rè, ngượng ngùng khi thể hiện các sản phẩm học tập. Khi GV động viên, khích lệ và hướng dẫn thì mức độ tự tin của HS cũng dần tăng lên.

Kết quả TN đã chứng tỏ việc tổ chức DHPH môn **ĐL 10** một cách hợp lí, khoa học đã giúp HS phát huy được thế mạnh về NLNT, kiến thức, PCHT,... của bản thân để luôn chủ động và tích cực học tập. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn *Địa lí* nói riêng cũng như các môn học khác trong trường phổ thông nói chung. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2006). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí*. NXB Giáo dục.
- [2] Bộ GD-ĐT (2009). *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Địa lí, lớp 10*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Nguyễn Thị Thu Anh - Võ Thị Thu Hà - Bùi Thị Hải Yến (2010). *Thiết kế hồ sơ dạy học môn Địa lí*. Tài liệu tập huấn giáo viên trường trung học phổ thông chuyên. Bộ GD-ĐT.
- [4] Lê Thông (tổng chủ biên, 2006). *Địa lí 10*. NXB Giáo dục.
- [5] Nguyễn Đức Vũ - Phạm Thị Sen (2004). *Đổi mới phương pháp dạy học địa lí ở trung học phổ thông*. NXB Giáo dục.
- [6] Lê Thị Thu Hương (2016). *Phát triển năng lực dạy học phân hóa - nội dung quan trọng trong đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*. Tạp chí Giáo dục, số 377, tr 13-15; 32.
- [7] Đào Thái Lai - Nguyễn Thị Hồng Vân (2013). *Đề xuất phương án tổ chức dạy học phân hoá ở trường* (Xem tiếp trang 33)

những điều còn tồn tại, thiếu sót để rút kinh nghiệm cho những lần tổ chức DH lần sau.

5. Đánh giá quy trình xây dựng và tổ chức hướng dẫn HS thuyết trình trong DH làm văn thuyết minh về một DLTC ở trường THCS

Với quy trình xây dựng và tổ chức hướng dẫn HS thuyết trình trong DH làm văn thuyết minh về một DLTC ở trường THCS, dự án “*Hà Nội của tôi*”, chúng tôi đã vận dụng phương pháp DH hiện đại và bước đầu mang đến hiệu quả trong giảng dạy. Qua quy trình xây dựng và tổ chức hướng dẫn HS thuyết trình lần này, chúng tôi đã tạo nên mối liên hệ giữa kiến thức, kĩ năng của các môn học nói chung và của môn NV nói riêng đảm bảo cho HS phát huy có hiệu quả những kiến thức và NL của mình trong các tình huống cụ thể. Cùng một thời gian học tập, HS thu nhận được nhiều đơn vị kiến thức qua đó rèn luyện được các kĩ năng và hình thành NLTT. Chính vì vậy trong một khoảng thời gian ngắn, GV và HS có thể thực hiện nhiều hoạt động. GV thể hiện những ý tưởng sáng tạo của mình trong tiết dạy và có điều kiện sử dụng các phương pháp DH tích cực như *phương pháp thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phát vấn*; khi HS thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề mà GV đưa ra HS sẽ có thái độ dứt khoát, có trách nhiệm với quyết định của mình, đặc biệt có tinh thần làm việc tập thể, HS hứng thú và thoải mái hơn đối với môn học do đó NLTT sẽ được nâng cao.

Kết luận

Chương trình Nhà trường bộ môn NV của Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được xây dựng với mục tiêu hình thành và bồi dưỡng NL giao tiếp nói chung và NLTT nói riêng cho HS. Trong quá trình DH làm văn thuyết minh và kiểu bài văn thuyết minh về một DLTC, chúng tôi đã, đang và sẽ chú trọng rèn luyện và phát triển NLTT cho từng HS. Đổi mới cách dạy, đổi mới cách học cần gắn liền với đổi mới đánh giá người học thì việc học mới thực sự trở nên hiệu quả và tạo hứng thú. Kết quả học tập môn NV ở nhà trường THCS và phân môn *Làm văn* không chỉ đơn thuần là về mặt điểm số mà bên cạnh đó GV có thể đánh giá được NL của từng HS đặc biệt có thể phát triển NLTT cho các em. Phát triển NLTT trong DH làm văn thuyết minh về một DLTC cũng là một hướng đi phù hợp với xu thế

đổi mới trong bộ môn NV và của ngành giáo dục trong giai đoạn hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2012). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD-ĐT)*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Bộ GD-ĐT. (2015). *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (trong chương trình giáo dục phổ thông mới)*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2014). *Tài liệu tập huấn kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh trong nhà trường trung học phổ thông*.
- [4] Nguyễn Khắc Phi (tổng chủ biên, 2009). *Ngữ văn 6, 7, 8, 9*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Trần Thị Thanh Thủy (chủ biên, 2016). *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh (quyển 2)*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Dự án Việt - Bỉ (2010). *Dạy và học tích cực một số phương pháp và kĩ thuật dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Đỗ Ngọc Thống - Phạm Minh Diệu - Đỗ Thành Thi (2008). *Giáo trình Làm văn*. NXB Đại học Sư phạm.

Kết quả thực nghiệm tổ chức...

(Tiếp theo trang 57)

trung học phổ thông sau năm 2015. Tạp chí Khoa học Giáo dục số 89, tr 1-3, 20.

[8] Nguyễn Anh Dũng - Đào Thái Lai (2013). *Đề xuất phương án tích hợp và phân hóa trong chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015*. Tạp chí Giáo dục số 301, tr 1-5.

[9] Nguyễn Dược - Nguyễn Trọng Phúc (2006). *Lí luận dạy học địa lí*. NXB Đại học Sư phạm.

[10] Đặng Văn Đức - Nguyễn Thị Thu Hằng (2008). *Phương pháp dạy học địa lí theo hướng tích cực*. NXB Đại học Sư phạm.

[11] Lê Hoàng Hà (2010). *Nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên theo quan điểm dạy học phân hoá*. Tạp chí Giáo dục, số 236, tr 14-15.

[12] Lê Hoàng Hà (2011). *Bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa ở trường trung học phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, số 271, tr 25-26.

[13] Đoàn Duy Hình (2006). *Phân hoá dạy học ở bậc trung học trên thế giới*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 10, tr 53-57.

[14] Đặng Thành Hưng (2008). *Cơ sở sư phạm của dạy học phân hoá*. Tạp chí Khoa học giáo dục, số 38, tr 30-32.